

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 176a/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-5-2024

V/v “T/c hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hoa

Ông Dương Thanh Cảnh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 72/2024/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo **Q** đưa vụ án ra xét xử số: 166/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị B**, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: **Xóm Đ, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An**.

Địa chỉ hiện nay: Hamagajo, **thành phố I, tỉnh Kagoshima, Nhật Bản**. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt được hợp pháp hoá của **Đại sứ quán nước C** tại Nhật Bản).

- Bị đơn: Anh **Trương Văn H**, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: **Xóm Đ, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An**.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1963. Địa chỉ: **Số A, đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An**. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai (được hợp pháp hoá của **Đại sứ quán nước C** tại Nhật Bản) nguyên đơn chị **Lê Thị B** trình bày:

Chị **B** và anh **Trương Văn H** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An** vào ngày 18 tháng 9 năm 2014. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và đã có 01 con chung. Sau

đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do lối sống không còn phù hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung. Sau đó anh **H** đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị **B** sang Nhật Bản làm việc và hai người không liên lạc với nhau nên chị **B** không biết địa chỉ cụ thể của anh **H** ở Đài Loan. Do vợ chồng sống ly thân với nhau đã lâu, không còn tình cảm nên chị **B** làm đơn xin được ly hôn anh **H**.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Trương Lê Hà V**, sinh 03/8/2016. Chị **Lê Thị B** đề nghị giao con chung cho chị **B** nuôi dưỡng. Không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **B** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị **Lê Thị Bích h** đang cư trú và làm việc tại Nhật Bản, không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn nên đã ủy quyền cho bà **Nguyễn Thị Hương G**, sinh năm 1976, trú tại **khối G, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An** thay chị **B** nộp hồ sơ, tài liệu, tạm ứng án phí, nhận các văn bản của Tòa án. Chị **Lê Thị B** đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt chị **Lê Thị Bích**.

*Về phía anh **Trương Văn H**:*

Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã gửi các văn bản tố tụng; thông báo thụ lý vụ án; yêu cầu anh **Trương Văn H** có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án; gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh **H** theo thủ tục niêm yết công khai các văn bản trên theo quy định của pháp luật nhưng hiện tại anh **Trương Văn H** vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì.

Theo trình bày của anh **Trương Văn H1**: Anh **H1** là anh trai của anh **H**, hiện nay bố mẹ đẻ của anh **H** đã chết; anh **H** hiện đang lao động ở Đài Loan, có điện thoại về cho anh **H1** nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể của anh **H** ở Đài Loan; anh **H1** đã thông báo cho anh **H** biết chị **B** làm đơn ly hôn tại Toà án nhưng anh **H** không có ý kiến gì.

*Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Trần Thị M**:*

Bà **Trần Thị M** là mẹ đẻ của chị **B**; chị **B** và anh **H** đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã **T, huyện T, tỉnh Nghệ An**. Sau khi cưới hai vợ chồng cùng chung sống một thời gian thì đều đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên giao hai con chung là **Trương Lê Hà V**, sinh ngày 03/8/2016 cho bà **M** quản lý, chăm sóc; bà **M** không yêu cầu chị **B**, anh **H** thanh toán tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **V** từ trước đến nay. Hiện nay cháu **V** đang ở với bà **M** và nếu Tòa án giao cháu **V** cho chị **B** hoặc anh **H** nuôi dưỡng thì bà **M** cam kết sẽ quản lý, chăm sóc cháu **V** chu đáo cho đến khi chị **B**, anh **H** về nước và không yêu cầu tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu.

Cháu **Trương Lê Hà V**, sinh ngày 03/8/2016 có đơn trình bày: Cháu **V** là con của mẹ **Lê Thị B** và bố **Trương Văn H**. Nếu mẹ **B** và bố **H** ly hôn thì nguyện vọng của cháu **V** là được ở với mẹ **Lê Thị Bích**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm:

- Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Chị **Lê Thị B** đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản có địa chỉ cụ thể; anh **Trương Văn H** có thông tin xuất cảnh và hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc thu thập chứng cứ và đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của họ. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, theo anh **Trương Văn H1** (anh trai của anh **H**) cung cấp thông tin hiện nay anh **H** đang đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, mặc dù không biết nơi cư trú cụ thể, nhưng anh **Trương Văn H** thường xuyên gọi điện thoại về cho gia đình; anh **Trương Văn H** đã biết được việc chị **Lê Thị Bích x** ly hôn và không có ý kiến gì. Việc anh **Trương Văn H** vắng mặt được xác định cố tình giấu địa chỉ, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và xử cho chị **Lê Thị B** được ly hôn với anh **Trương Văn H**.

- Về nuôi con chung: Giao con chung **Trương Lê Hà V**, sinh 03/8/2016 cho chị **Lê Thị B** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh **H** có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con theo quy định.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị **Lê Thị B** không yêu cầu, anh **Trương Văn H** chưa có ý kiến nên chưa xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

- Về án phí: Chị **B** phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị **B** đang cư trú tại Nhật Bản có bản bản (được hợp pháp hoá của **Đại sứ quán nước C** tại Nhật Bản) trình bày anh **H** đang ở Đài Loan nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành xác minh tại người thân của anh **H** là anh **Trương Văn H1** (anh trai anh **H**) thì được cung cấp anh **H** hiện nay đang ở Đài Loan thỉnh thoảng gọi điện thoại về cho anh **H1**. Ngày 04/5/2024, **Cục Q1** có Công văn số 9045/QLXNC-P3 cung cấp thông tin anh **Trương Văn H** xuất cảnh lần cuối ngày 25/11/2019 qua **cửa khẩu Sân bay quốc tế N**, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do chị **B** hiện đang cư trú tại Nhật Bản; anh **H** trước khi xuất cảnh có địa chỉ tại **huyện Q, tỉnh Nghệ An** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị **Lê Thị B** vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (được hợp pháp hóa của của **Đại sứ quán nước C** tại Nhật Bản); bị đơn anh **Trương Văn H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đã biết chị **B** yêu cầu ly hôn nhưng vẫn không cung cấp địa chỉ và vắng mặt là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Trần Thị M** vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 207 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **B** vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh **H**. Xét thấy, chị **B**, anh **H** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau, chị **B** sinh sống tại Nhật Bản, anh **H** đang ở Đài Loan nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, giải quyết cho chị **B** được ly hôn anh **H** là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị **B** và anh **H** có 01 con chung là **Trương Lê Hà V**, sinh 03/8/2016. Hiện nay, anh **H** đang ở nước ngoài không có có địa chỉ cụ thể nên nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị **B** đang cư trú hợp pháp tại Nhật Bản có nguyện vọng được nuôi con chung và cháu **Trương Lê Hà V** cũng mong muốn được sống cùng mẹ. Vì vậy, giao con chung **Trương Lê Hà V** cho chị **Lê Thị B** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị **Lê Thị B** chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh **Trương Văn H** chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Lê Thị B** không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh **Trương Văn H** vắng mặt chưa có ý kiến nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[4] Về án phí: Chị **Lê Thị B** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 37; Điều 40; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị **Lê Thị Bích ly h1** với anh **Trương Văn H**.

2. Về nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung **Trương Lê Hà V**, sinh 03/8/2016 cho chị **Lê Thị B** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Chị **Lê Thị B** chưa yêu cầu anh **Trương Văn H** cấp dưỡng nuôi con. Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị **Lê Thị B** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012706 ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị **B** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị **Lê Thị B** và anh **Trương Văn H** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Trần Thị M** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã T, h T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Ngọc Anh